

Số: 15 /KH-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi chung là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP));

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019- 2023 trên địa bàn tỉnh với những nội dung trọng tâm sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Mục đích của hoạt động hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 là công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa kỳ 2019-2023¹.

Giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật được hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; cập nhật kịp thời thông tin của văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Yêu cầu

Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng hệ thống hoá và kết quả rà soát văn bản kỳ 2019-2023;

Tuân thủ trình tự thực hiện hệ thống hóa theo quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP);

Kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023.

¹ Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, gồm cả văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần và văn bản đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA

1. Phạm vi văn bản hệ thống hóa

Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023 thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

2. Đối tượng văn bản hệ thống hóa

- Văn bản trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa 2014-2018 đã được rà soát xác định còn hiệu lực, bao gồm Chỉ thị quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân được ban hành trước ngày Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2016) và còn hiệu lực.

- Văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 đã được rà soát xác định còn hiệu lực.

- Văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 nhưng chưa có hiệu lực tính đến thời điểm hệ thống hóa.

III. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Tập hợp và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành

a) Nội dung công việc

Tập hợp, rà soát các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành thuộc đối tượng, phạm vi phải rà soát theo Mục II kế hoạch này để:

- Kịp thời phát hiện các văn bản hết hiệu lực; văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế; văn bản cần bãi bỏ.

- Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật định kỳ theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp là đầu mối thực hiện việc hệ thống hóa văn bản).

b) Cơ quan chủ trì

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình; Thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản; Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã thực hiện rà soát văn bản.

c) *Cơ quan phối hợp*: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân và các cơ quan có liên quan.

c) *Thời gian thực hiện*: Việc tập hợp, rà soát được thực hiện thường xuyên trong năm 2023.

d) *Thời gian hoàn thành*:

- Các sở, ban, ngành tỉnh: trước ngày 15 tháng 01 năm 2024
- Cấp huyện: trước ngày 30 tháng 12 năm 2023.

2. Kiểm tra lại kết quả rà soát văn bản và rà soát bổ sung

a) Kết quả rà soát văn bản để hệ thống hóa phải được kiểm tra lại để bảo đảm tính chính xác về hiệu lực của văn bản tính đến thời điểm hệ thống hóa là ngày 31 tháng 12 năm 2023;

b) Trường hợp kết quả rà soát văn bản phản ánh không cập nhật tình trạng pháp lý của văn bản hoặc phát hiện văn bản chưa được rà soát theo quy định tính đến thời điểm hệ thống hóa thì cơ quan/đơn vị thực hiện hệ thống hóa phải tiến hành rà soát (bổ sung) theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Mục 3 Chương IX).

3. Lập các danh mục văn bản

Các văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa kỳ 2019-2023 sau khi được kiểm tra lại và rà soát bổ sung, các cơ quan/đơn vị tiến hành lập các danh mục văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), cụ thể như sau:

- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (Mẫu số 03);
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (Mẫu số 04);
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (Mẫu số 05);
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (Mẫu số 06).

Lưu ý, các danh mục văn bản được lập theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 của Phụ lục IV kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

4. Sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản

Căn cứ vào Danh mục văn bản còn hiệu lực, người thực hiện hệ thống hóa văn bản sắp xếp các văn bản (toàn văn của văn bản không chỉ là số, ký hiệu, tên gọi của văn bản) thành Tập hệ thống hóa văn bản. Tiêu chí sắp xếp (thứ tự, bố cục sắp xếp) được giữ nguyên như Danh mục văn bản còn hiệu lực, bảo đảm khoa học, thống nhất theo tiêu chí quy định tại Điều 168 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

5. Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản

- *Thẩm quyền công bố*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp công bố kết quả hệ thống hóa văn bản thuộc thẩm quyền (trách nhiệm) của mình;

- *Kết quả hệ thống hóa văn bản, gồm*: các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản.

- *Hình thức văn bản công bố*: Hình thức văn bản công bố kết quả hệ thống hóa văn bản là văn bản hành chính;

Hồ sơ hệ thống hóa văn bản trình người có thẩm quyền công bố nên bao gồm: (i) Dự thảo Quyết định công bố; (ii) Các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản kèm theo Quyết định công bố; (iii) Hồ sơ rà soát văn bản bổ sung và các tài liệu khác có liên quan; (iv) Dự thảo Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản của cơ quan có trách nhiệm hệ thống hóa văn bản (để xem xét, ký ban hành gửi đến các cơ quan theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để tổng hợp).

- *Thời hạn công bố*: Kết quả hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phải được công bố chậm nhất là ngày **01 tháng 3 năm 2024**.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu dự thảo Quyết định công bố Danh mục trong kỳ hệ thống, rà soát văn bản theo từng cấp đơn vị hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- *Cơ quan phối hợp*: Các, Sở, ban, ngành cấp tỉnh; các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyên danh mục văn bản theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 của Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và phiếu rà soát đối với văn bản đã được rà soát theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cùng cấp.

6. Đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP): kết quả hệ thống hóa văn bản phải được đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan hệ thống hóa văn bản (nếu có). Trường hợp cần thiết, cơ quan hệ thống hóa văn bản phát hành Tập hệ thống hóa văn bản bằng hình thức văn bản giấy để phục vụ nhu cầu thực tiễn (không phải yêu cầu bắt buộc).

- Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở cấp tỉnh phải được đăng Công báo.

- Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực ở cấp huyện và cấp xã phải được niêm yết tại địa điểm quy định tại Điều 98 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Trường hợp sau khi công bố, phát hiện các danh mục văn bản và Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực có sai sót thì tiến hành rà soát lại và đính chính.

7. Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023

Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Quá trình tổ chức thực hiện: Việc ban hành kế hoạch tổ chức hệ thống hóa, công văn triển khai, hướng dẫn thực hiện,...

- Kết quả hệ thống hóa văn bản:

+ Thống kê số liệu về văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa kỳ 2019-2023;

+ Thống kê số liệu về văn bản còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản chưa có hiệu lực) trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023;

+ Thống kê số liệu về văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023;

+ Thống kê số liệu về văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023;

+ Thống kê số liệu về văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023.

- Vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị (nếu có): Vướng mắc xuất phát từ tổ chức thực hiện, bất cập từ thể chế, quy định; hướng đề xuất, kiến nghị để tháo gỡ vướng mắc, bất cập,...

- *Nội dung công việc:*

+ Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ngành, của Ủy ban nhân dân cấp huyện và xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp về tình hình, kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật của cấp mình và của các xã, phường, thị trấn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

- *Cơ quan chủ trì:* Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Thời gian thực hiện:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 về Bộ Tư pháp trong thời hạn 20 ngày (trước ngày 20 tháng 3 năm 2024), kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 167 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó:

+ Báo cáo của cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp): trong **tháng 01 năm 2024**.

+ Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gửi Bộ Tư pháp: **trước ngày 20 tháng 3 năm 2024**.

8. In ấn, phát hành Tập hệ thống hóa văn bản trong kỳ hệ thống của tỉnh đến các cơ quan trong tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp

- Thời gian thực hiện: Tháng 02 năm 2024.

9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp/Phòng Tư pháp dự toán trong năm ngân sách 2023 theo phân cấp ngân sách và thực hiện các nội dung chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung tại khoản 2, 3, 5, 6, 7 và 8 Mục II của Kế hoạch này theo nội dung, tiến độ đề ra.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, các địa phương trong việc triển khai Kế hoạch.

- Tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản đã hết hiệu lực hàng năm.

2. Các sở, ban, ngành

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý (triển khai thực hiện các nội dung tại khoản 1 Mục II Kế hoạch này); tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa và lập các danh mục văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Xây dựng báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành quản lý, gửi bản giấy và file văn bản về Sở Tư pháp **trước ngày 30 tháng 01 năm 2024** để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

3. Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành; chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi báo cáo kết quả rà soát đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Cục Công tác phía Nam-Bộ Tư pháp;
- Thường trực TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo BR-VT;
- Lưu: VT, STP (05). (3)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *M*

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh